

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN QUẢNG XƯƠNG
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN

TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM TRA, SÁT HẠCH
Vị trí tuyển dụng: Bác sĩ hạng III (V.08.01.03)

Mẫu số 14

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày tháng năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn (ghi theo bảng điểm)	Vị trí tuyển dụng	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên (nếu có)	Tổng điểm	
		Nam	Nữ						Bảng số	Bảng chữ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=8+9	11
1	Trần Văn Anh	24/4/1974		Thôn 6, Quảng Nhân, Quảng Xương, Thanh Hóa	Bác sĩ đa khoa	Bác sĩ hạng III	93	0	93	Chín mươi ba
2	Lê Văn Bình	19/7/1978		Quảng Nhân, Quảng Xương, Thanh Hóa	Bác sĩ đa khoa	Bác sĩ hạng III	84	0	84	Tám mươi tư
3	Nguyễn Đình Chi	16/3/1979		Thôn Bào Tiến, Quảng Hải, Quảng Xương, Thanh Hóa	Bác sĩ đa khoa	Bác sĩ hạng III	96	0	96	Chín mươi sáu
4	Lê Văn Cường	06/6/1970		Quảng Hòa, Quảng Xương, Thanh Hóa	Bác sĩ đa khoa	Bác sĩ hạng III	93,5	0	93,5	Chín mươi ba phẩy năm
5	Lê Ích Chúc	20/3/1966		Thôn Ngưu Phương, Quảng Khê, Thanh Hóa	Bác sĩ đa khoa	Bác sĩ hạng III	97	0	97	Chín mươi bảy
6	Lê Như Dũng	20/10/1972		Thôn Thắng, Quảng Nham, Quảng Xương, Thanh Hóa	Bác sĩ đa khoa	Bác sĩ hạng III	94,5	0	94,5	Chín mươi tư phẩy năm
7	Nguyễn Văn Hùng	15/02/1970		Khu phố 1, Thị trấn Tân Phong, Quảng Xương, Thanh Hóa	Bác sĩ đa khoa	Bác sĩ hạng III	91	5	96	Chín mươi sáu

8	Lê Thị Hải		27/02/1976	Thôn Phúc Tâm, Quảng Phúc, Quảng Xương, Thanh Hóa	Bác sĩ đa khoa	Bác sĩ hạng III	96,5	0	96,5	Chín mươi sáu phẩy năm
9	Vũ Văn Hưng	10/12/1973		Quảng Hải, Quảng Xương, Thanh Hóa	Bác sĩ đa khoa	Bác sĩ hạng III	95	0	95	Chín mươi lăm
10	Nguyễn Ngọc Hòa	13/02/1972		Thôn Uy Bắc, Quảng Ngọc, Quảng Xương, Thanh Hóa	Bác sĩ đa khoa	Bác sĩ hạng III	97	0	97	Chín mươi bảy
11	Nguyễn Văn Hiệp	15/6/1964		Quảng Phúc, Quảng Xương, Thanh Hóa	Bác sĩ đa khoa	Bác sĩ hạng III	96,5	0	96,5	Chín mươi sáu phẩy năm
12	Lê Trọng Lục	15/10/1965		Thôn 5, Quảng Giao, Quảng Xương, Thanh Hóa	Bác sĩ đa khoa	Bác sĩ hạng III	89,5	0	89,5	Tám mươi chín phẩy năm
13	Lê Thị Lương		08/8/1971	Thôn Hiền Tây, Quảng Lưu, Quảng Xương, Thanh Hóa	Bác sĩ đa khoa	Bác sĩ hạng III	95,5	0	95,5	Chín mươi lăm phẩy năm
14	Nguyễn Thị Mai		25/9/1981	Thôn Cầu Đồng, Quảng Trạch, Quảng Xương, Thanh hóa	Bác sĩ đa khoa	Bác sĩ hạng III	97	0	97	Chín mươi bảy phẩy năm
15	Nguyễn Xuân Minh	06/01/1968		Thôn Đại, Quảng Hải, Quảng Xương, Thanh Hóa	Bác sĩ đa khoa	Bác sĩ hạng III	97	0	97	Chín mươi bảy
16	Phạm Văn Quyền	07/7/1969		Quảng Đức, Quảng Xương, Thanh Hóa	Bác sĩ đa khoa	Bác sĩ hạng III	95	0	95	Chín mươi lăm
17	Nguyễn Thanh Sơn	10/7/1970		Tiên Trang, Quảng Xương, Thanh Hóa	Bác sĩ đa khoa	Bác sĩ hạng III	87,5	0	87,5	Tám mươi bảy phẩy năm
18	Nguyễn Hữu Tám	10/10/1967		Thôn 3, Quảng Hòa, Quảng Xương, Thanh Hóa	Bác sĩ đa khoa	Bác sĩ hạng III	95	0	95	Chín mươi lăm
19	Lê Quang Tản	30/12/1973		Thôn Dục Tú, Thị trấn Tân Phong, Quảng Xương, Thanh Hóa	Bác sĩ đa khoa	Bác sĩ hạng III	97,5	0	97,5	Chín mươi bảy phẩy năm

20	Bùi Sỹ Tấn	01/5/1971		Thôn 3, Quảng Khê, Quảng Xương, Thanh Hóa	Bác sĩ đa khoa	Bác sĩ hạng III	97,5	0	97,5	Chín mươi bảy phẩy năm
21	Nguyễn Văn Thiệp	10/9/1965		Thôn Ngọc Lâm, Quảng Thạch, Quảng Xương, Thanh Hóa	Bác sĩ đa khoa	Bác sĩ hạng III	95,5	0	95,5	Chín mươi lăm phẩy năm
22	Nguyễn Văn Tinh	15/02/1971		Quảng Ngọc, Quảng Xương, Thanh Hóa	Bác sĩ đa khoa	Bác sĩ hạng III	91,5	0	91,5	Chín mươi một phẩy năm

THỦ KÝ

Nguyễn Thị Trang

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Nguyễn Văn Chiến

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN QUẢNG XƯƠNG
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN

TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM TRA, SÁT HẠCH

Vị trí tuyển dụng: Bác sĩ Y học dự phòng hạng III (V.08.02.06)

Mẫu số 14

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày tháng năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn (ghi theo bảng điểm)	Vị trí tuyển dụng	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên (nếu có)	Tổng điểm	
		Nam	Nữ						Bảng số	Bảng chữ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=8+9	11
1	Nguyễn Dương Dũng	17/02/1969		Thôn 5, Quảng Giao, Quảng Xương, Thanh Hóa	Bác sĩ Y học dự phòng	Bác sĩ YHDP hạng III	89,5	0	89,5	Tám mươi chín phẩy năm
2	Nguyễn Văn Phú	19/8/1965		Thôn Ngưu Trung, Quảng Bình, Quảng Xương, Thanh Hóa	Bác sĩ Y học dự phòng	Bác sĩ YHDP hạng III	93	0	93	Chín mươi ba

THỦ KÝ



Nguyễn Thị Trang



Nguyễn Văn Chiến

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN QUẢNG XƯƠNG
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN

TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM TRA, SÁT HẠCH
Vị trí tuyển dụng: Y sĩ hạng IV (V.08.03.07)

Mẫu số 14

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày tháng năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn (ghi theo bảng điểm)	Vị trí tuyển dụng	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên (nếu có)	Tổng điểm	
		Nam	Nữ						Bảng số	Bảng chữ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=8+9	11
1	Nguyễn Đức Anh	10/3/1992		Thôn Xa Thụ, Quảng Bình, Quảng Xương, Thanh Hóa	Y sĩ đa khoa	Y sĩ hạng IV	92	0	92	Chín mươi hai
2	Nguyễn Thị Lan Anh		24/02/1974	Thôn 5, Quảng Giao, Quảng Xương, Thanh Hóa	Y sĩ sản nhi	Y sĩ hạng IV	80	0	80	Tám mươi
3	Lê Thị Liên Bảo		28/10/1971	Thôn Dục Tú, Thị trấn Tân Phong, Quảng Xương, Thanh Hóa	Y sĩ cao đẳng	Y sĩ hạng IV	98	0	98	Chín mươi tám
4	Trịnh Thị Chất		23/3/1991	Thôn Ân Giang, Quảng Hợp, Quảng Xương, Thanh Hóa	Y sĩ đa khoa	Y sĩ hạng IV	94	0	94	Chín mươi tư
5	Nguyễn Văn Công	10/7/1989		Thôn Đông Văn, Quảng Đông, TP. Thanh Hóa, Thanh Hóa	Y sĩ đa khoa	Y sĩ hạng IV	94	0	94	Chín mươi tư
6	Phạm Văn Dương	05/01/1976		Tiên Trang, Quảng Xương, Thanh Hóa	Y sĩ YHDT	Y sĩ hạng IV	92	0	92	Chín mươi hai
7	Lê Thanh Hải	04/10/1970		Quảng Nhân, Quảng Xương, Thanh Hóa	Y sĩ YHDT	Y sĩ hạng IV	93,5	0	93,5	Chín mươi ba phẩy năm

8	Lê Thị Hà		13/6/1978	Thôn Thủ Lộc, Tiên Trang, Quảng Xương, Thanh Hóa	Y sĩ sản nhi	Y sĩ hạng IV	96,5	0	96,5	Chín mươi sáu phẩy năm
9	Hoàng Thị Hà		10/10/1975	Thôn Tân Hậu, Thị trấn Tân Phong, Quảng Xương, Thanh Hóa	Y sĩ sản nhi	Y sĩ hạng IV	92	0	92	Chín mươi hai
10	Lương Thị Hảo		30/11/1991	Quảng Đông, TP. Thanh Hóa, Thanh Hóa	Y sĩ đa khoa	Y sĩ hạng IV	91,5	0	91,5	Chín mươi một phẩy năm
11	Nguyễn Thị Hảo		29/5/1977	Thôn Lộc Tiến, Quảng Trung, Quảng Xương, Thanh Hóa	Y sĩ sản nhi	Y sĩ hạng IV	94	0	94	Chín mươi tư
12	Nguyễn Thị Hải		28/9/1966	Thôn 4, Tiên Trang, Quảng Xương, Thanh Hóa	Y sĩ đa khoa	Y sĩ hạng IV	93	0	93	Chín mươi ba
13	Lê Thị Thơm		06/9/1991	Thị trấn Tân Phong, Quảng Xương, Thanh Hóa	Y sĩ đa khoa	Y sĩ hạng IV	93,5	0	93,5	Chín mươi ba phẩy năm
14	Đào Văn Hải	13/4/1991		Thôn 7, Quảng Thái, Quảng Xương, Thanh Hóa	Y sĩ đa khoa	Y sĩ hạng IV	96,5	0	96,5	Chín mươi sáu phẩy năm
15	Bùi Hữu Hanh	17/7/1964		Quảng Long, Quảng Xương, Thanh Hóa	Y sĩ YHDT	Y sĩ hạng IV	83	5	88	Tám mươi tám
16	Nguyễn Thị Hằng		10/10/1972	Thôn Uy Bắc, Quảng Ngọc, Quảng Xương, Thanh Hóa	Y sĩ sản nhi	Y sĩ hạng IV	87,5	0	87,5	Tám mươi bảy phẩy năm
17	Đoàn Thị Hằng		24/6/1990	Thôn Thanh, Quảng Nham, Quảng Xương, Thanh Hóa	Y sĩ đa khoa	Y sĩ hạng IV	88,5	0	88,5	Tám mươi tám phẩy năm
18	Nguyễn Thị Hương		22/10/1992	Quảng Đông, TP. Thanh Hóa, Thanh Hóa	Y sĩ đa khoa	Y sĩ hạng IV	91,5	0	91,5	Chín mươi một phẩy năm
19	Trần Thị Lan Hương		06/9/1986	SN 01/44 Tân Long, P. Hàm Rồng, TP. Thanh Hóa, Thanh Hóa	Y sĩ đa khoa	Y sĩ hạng IV	91,5	0	91,5	Chín mươi một phẩy năm

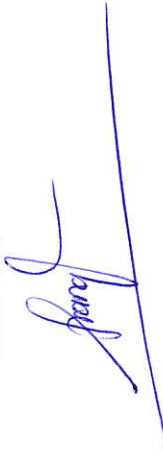
20	Lê Thị Hồng		15/6/1966	Thôn Chính Trung, Thị trấn Tân Phong, Quảng Xương, Thanh Hóa	Y sĩ cao đẳng	Y sĩ hạng IV	92,5	0	92,5	Chín mươi hai phẩy năm
21	Nguyễn Thị Hiếu		10/10/1972	Thôn Châu Sơn, Quảng Trường, Quảng Xương, Thanh Hóa	Y sĩ sản nhi	Y sĩ hạng IV	86,5	0	86,5	Tám mươi sáu phẩy năm
22	Nguyễn Thị Hiếu		16/6/1973	Thôn 4, Tiên Trang, Quảng Xương, Thanh Hóa	Y sĩ đa khoa	Y sĩ hạng IV	90,5	0	90,5	Chín mươi phẩy năm
23	Trần Thị Hiền		26/02/1973	Quảng Long, Quảng Xương, Thanh Hóa	Y sĩ sản nhi	Y sĩ hạng IV	79	0	79	Bảy mươi chín
24	Hoàng Duy Hùng	19/6/1992		Thôn Uy Bắc, Quảng Ngọc, Quảng Xương, Thanh Hóa	Y sĩ đa khoa	Y sĩ hạng IV	85	0	85	Tám mươi lăm
25	Hà Văn Hùng	12/6/1966		Thôn Triều Công, Quảng Lộc, Quảng Xương, Thanh Hóa	Y sĩ đa khoa	Y sĩ hạng IV	81,5	0	81,5	Tám mươi một phẩy năm
26	Lê Thị Lan		19/01/1975	Thôn Đại, Quảng Hải, Quảng Xương, Thanh Hóa	Y sĩ đa khoa	Y sĩ hạng IV	96,5	0	96,5	Chín mươi sáu phẩy năm
27	Lê Thị Lan		15/10/1984	Thôn 10, Quảng Hải, Quảng Xương, Thanh Hóa	Y sĩ định hướng nha khoa	Y sĩ hạng IV	75	0	75	Bảy mươi lăm
28	Nguyễn Thị Loan		24/8/1991	Thôn 2, Tiên Trang, Quảng Xương, Thanh Hóa	Y sĩ đa khoa	Y sĩ hạng IV	94,5	0	94,5	Chín mươi tư phẩy năm
29	Nguyễn Quốc Khánh	31/10/1990		Thôn Trung Phong, Thị trấn Tân Phong, Quảng Xương, Thanh Hóa	Y sĩ đa khoa	Y sĩ hạng IV	92,5	0	92,5	Chín mươi hai phẩy năm
30	Nguyễn Thùy Linh		20/11/1989	Thôn Bình Danh, Quảng Hợp, Quảng Xương, Thanh Hóa	Y sĩ đa khoa	Y sĩ hạng IV	91,5	0	91,5	Chín mươi một phẩy năm
31	Phạm Thị Yến Mai		02/9/1969	Thôn Ninh Dụ, Quảng Ninh, Quảng Xương, Thanh Hóa	Y sĩ đa khoa	Y sĩ hạng IV	90	0	90	Chín mươi

32	Vương Sỹ Mạnh	30/10/1966		Quảng Đức, Quảng Xương, Thanh Hóa	Y sĩ đa khoa	Y sĩ hạng IV	86,5	5	91,5	Chín mươi một phẩy năm
33	Vũ Xuân Nam	10/12/1975		Thôn Hợp Gia, Quảng Hợp, Quảng Xương, Thanh Hóa	Y sĩ YHDT	Y sĩ hạng IV	94	0	94	Chín mươi tư
34	Nguyễn Thị Nga		10/10/1976	Thôn Bát Đông, Quảng Ngọc, Quảng Xương, Thanh Hóa	Y sĩ sản nhi	Y sĩ hạng IV	95,5	0	95,5	Chín mươi lăm phẩy năm
35	Nguyễn Thị Nhung		06/5/1989	Thị trấn Tân Phong, Quảng Xương, Thanh Hóa	Y sĩ đa khoa	Y sĩ hạng IV	83,5	0	83,5	Tám mươi ba phẩy năm
36	Lê Thị Nhung		25/01/1973	Thôn Xa Thụ, Quảng Bình, Quảng Xương, Thanh Hóa	Y sĩ sản nhi	Y sĩ hạng IV	93	0	93	Chín mươi ba
37	Lê Thị Ngọc		29/11/1970	Quảng Đức, Quảng Xương, Thanh Hóa	Y sĩ sản nhi	Y sĩ hạng IV	94,5	0	94,5	Chín mươi tư phẩy năm
38	Đỗ Thị Oanh		10/5/1972	Thôn Xuân Mộc, Quảng Ngọc, Quảng Xương, Thanh Hóa	Y sĩ đa khoa	Y sĩ hạng IV	90,5	0	90,5	Chín mươi phẩy năm
39	Hoàng Ngọc Sinh	19/4/1991		Thành Yên, Quảng Thành, TP. Thanh Hóa, Thanh Hóa	Y sĩ đa khoa	Y sĩ hạng IV	84	0	84	Tám mươi tư
40	Nguyễn Thị Tại		20/7/1971	Thôn Ngưu Phương, Quảng Khê, Quảng Xương, Thanh Hóa	Y sĩ đa khoa	Y sĩ hạng IV	90,5	0	90,5	Chín mươi phẩy năm
41	Trần Thị Thái		16/4/1973	Thôn Tân Thượng, Thị trấn Tân Phong, Quảng Xương, Thanh Hóa	Y sĩ sản nhi	Y sĩ hạng IV	90	0	90	Chín mươi
42	Phạm Thị Trang		27/7/1993	Quảng Lưu, Quảng Xương, Thanh Hóa	Y sĩ đa khoa	Y sĩ hạng IV	95,5	0	95,5	Chín mươi lăm phẩy năm
43	Đặng Thị Trang		28/10/1990	Thôn Trung Phong, Thị trấn Tân Phong, Quảng Xương, Thanh Hóa	Y sĩ đa khoa	Y sĩ hạng IV	84,5	0	84,5	Tám mươi tư phẩy năm

44	Tô Thị Trang		15/5/1973	Quảng Thái, Quảng Xương, Thanh Hóa	Y sĩ sản nhi	Y sĩ hạng IV	84,5	0	84,5	Tám mươi tư phẩy năm
45	Nguyễn Thị Thủy		13/3/1987	SN 16/601 đường Hàm Nghi, P. Đông Hương, TP. Thanh Hóa, Thanh Hóa	Y sĩ đa khoa	Y sĩ hạng IV	95	0	95	Chín mươi lăm
46	Đặng Thị Thủy		19/5/1974	Quảng Thịnh, TP. Thanh Hóa, Thanh Hóa	Y sĩ đa khoa	Y sĩ hạng IV	83	0	83	Tám mươi ba
47	Vũ Thị Thanh		01/02/1973	Thôn Xuân Mộc, Quảng Ngọc, Quảng Xương, Thanh Hóa	Y sĩ đa khoa	Y sĩ hạng IV	86,5	0	86,5	Tám mươi sáu phẩy năm
48	Phạm Thị Thắng		17/02/1989	Thôn Yên Hưng, Quảng Văn, Quảng Xương, Thanh Hóa	Y sĩ đa khoa	Y sĩ hạng IV	88	0	88	Tám mươi tám
49	Vương Thị Thu Thủy		24/8/1984	Hợp Gia, Quảng Hợp, Quảng Xương, Thanh Hóa	Y sĩ đa khoa	Y sĩ hạng IV	93	0	93	Chín mươi ba
50	Lê Thị Tư		24/11/1970	Thôn Trung Phong, Thị trấn Tân Phong, Quảng Xương, Thanh Hóa	Y sĩ đa khoa	Y sĩ hạng IV	91,5	0	91,5	Chín mươi một phẩy năm
51	Phạm Văn Tiến	15/5/1966		Thôn 3, Quảng Hòa, Quảng Xương, Thanh Hóa	Y sĩ YHDT	Y sĩ hạng IV	70,5	0	70,5	Bảy mươi phẩy năm
52	Trần Đức Tiến	01/9/1991		Thôn Thắng Phú, Quảng Ngọc, Quảng Xương, Thanh Hóa	Y sĩ đa khoa	Y sĩ hạng IV	89	0	89	Tám mươi chín
53	Hoàng Thị Tuyết		05/5/1977	Thôn Bình Danh, Quảng Hợp, Quảng Xương, Thanh Hóa	Y sĩ sản nhi	Y sĩ hạng IV	92	5	97	Chín mươi bảy
54	Nguyễn Công Trình	05/5/1990		Quảng Lưu, Quảng Xương, Thanh Hóa	Y sĩ đa khoa	Y sĩ hạng IV	96,5	0	96,5	Chín mươi sáu phẩy năm
55	Lê Trung Tư	14/8/1988		Quảng Hợp, Quảng Xương, Thanh Hóa	Y sĩ đa khoa	Y sĩ hạng IV	87,5	0	87,5	Tám mươi bảy phẩy năm

56	Bùi Thị Trâm		01/5/1970	Thôn Thọ Thái, Quảng Ninh, Quảng Xương, Thanh Hóa	Y sĩ sản nhi	Y sĩ hạng IV	97,5	0	97,5	Chín mươi bảy phẩy năm
57	Lê Thị Yến		10/11/1992	Thôn Bắc, Quảng Thạch, Quảng Xương, Thanh Hóa	Y sĩ đa khoa	Y sĩ hạng IV	93	0	93	Chín mươi ba
58	Lê Thị Xuân		02/02/1967	Thôn Trung Đình, Quảng Định, Quảng Xương, Thanh Hóa	Y sĩ đa khoa	Y sĩ hạng IV	94	5	99	Chín mươi chín
59	Nguyễn Thị Xuyên		08/3/1982	Quảng Thái, Quảng Xương, Thanh Hóa	Y sĩ đa khoa	Y sĩ hạng IV	94	0	94	Chín mươi tư

THỦ KÝ



Nguyễn Thị Trang

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Nguyễn Văn Chiến

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN QUẢNG XƯƠNG
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN

TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM TRA, SÁT HẠCH
Vị trí tuyển dụng: Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)

Mẫu số 14

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày tháng năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn (ghi theo bảng điểm)	Vị trí tuyển dụng	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên (nếu có)	Tổng điểm	
		Nam	Nữ						Bảng số	Bảng chữ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=8+9	11
1	Đặng Thị Dung		20/10/1989	Thôn Đa, Quảng Chính, Quảng Xương, Thanh Hóa	Trung cấp Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	94	0	94	Chín mươi tư
2	Ngô Thị Dụng		08/12/1979	Thôn Nguu Phương, Quảng Khê, Quảng Xương, Thanh Hóa	Trung cấp Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	91,5	0	91,5	Chín mươi một phẩy năm
3	Cao Thị Hà		10/11/1977	Phú Thọ, Thị trấn Tân Phong, Quảng Xương, Thanh Hóa	Trung cấp Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	88	0	88	Tám mươi tám
4	Nguyễn Thị Gấm		06/3/1982	Thôn 4, Quảng Giao, Quảng Xương, Thanh Hóa	Cao đẳng điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	95	0	95	Chín mươi lăm
5	Trần Thị Huệ		20/01/1988	Quảng Giao, Quảng Xương, Thanh Hóa	Trung cấp điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	88	0	88	Tám mươi tám
6	Hoàng Thị Hiền		27/7/1978	Khu phố 1, Thị trấn Tân Phong, Quảng Xương, Thanh Hóa	Trung cấp Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	87	0	87	Tám mươi bảy
7	Lê Thị Huyền		22/6/1987	Thôn 8, Quảng Thái, Quảng Xương, Thanh Hóa	Cao đẳng điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	87	0	87	Tám mươi bảy
8	Hoàng Thị Phương Thảo		06/5/1992	Tân Hậu, Thị trấn Tân Phong, Quảng Xương, Thanh Hóa	Cao đẳng điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	95	0	95	Chín mươi lăm

	Hồ Thị Thảo		20/6/1986	Thôn Hòa, Quảng Nham, Quảng Xương, Thanh Hóa	Cao đẳng điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	94,5	0	94,5	Chín mươi tư năm
10	Đào Khắc Thanh	19/5/1985		Quảng Lộc, Quảng Xương, Thanh Hóa	Cao đẳng điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	95	0	95	Chín mươi lăm
11	Trần Thị Thanh		15/9/1975	Thôn 6, Quảng Nhân, Quảng Xương, Thanh Hóa	Cao đẳng điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	92	0	92	Chín mươi hai
12	Đặng Văn Thanh	04/6/1967		Thôn Trạch Khê, Quảng Trạch, Quảng Xương, Thanh Hóa	Cao đẳng điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	90	0	90	Chín mươi
13	Lê Thị Thu		10/4/1989	SN 1/258 Ngọc Mai, P. Quảng Thành, TP. Thanh Hóa	Cao đẳng điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	88	0	88	Tám mươi tám
14	Trần Văn Tùng	05/10/1979		Thôn Trung Phong, Thị trấn Tân Phong, Quảng Xương, Thanh Hóa	Trung cấp Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	94	0	94	Chín mươi tư

THƯ KÝ



Nguyễn Thị Trang



TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM TRA, SÁT HẠCH
Vị trí tuyển dụng: Hộ sinh hạng IV (V.08.06.16)

Mẫu số 14

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày tháng năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn (ghi theo bảng điểm)	Vị trí tuyển dụng	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên (nếu có)	Tổng điểm	
		Nam	Nữ						Bảng số	Bảng chữ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=8+9	11
1	Triệu Thị Cúc		13/4/1989	Thôn Ngọc Lâm, Quảng Thạch, Quảng Xương, Thanh Hóa	Hộ sinh trung cấp	Hộ sinh hạng IV	94	0	94	Chín mươi tư
2	Nguyễn Thị Hiếu		12/11/1973	Thôn Thanh Xuân, Quảng Chính, Quảng Xương, Thanh Hóa	Hộ sinh trung cấp	Hộ sinh hạng IV	93,5	0	93,5	Chín mươi ba phẩy năm
3	Đặng Thị Hương		17/8/1979	Quảng Trạch, Quảng Xương, Thanh Hóa	Hộ sinh trung cấp	Hộ sinh hạng IV	91,5	0	91,5	Chín một phẩy năm
4	Nguyễn Thị Hòa		10/8/1971	Thôn Tân Cổ, Thị trấn Tân Phong, Quảng Xương, Thanh Hóa	Hộ sinh trung cấp	Hộ sinh hạng IV	77	0	77	Bảy mươi bảy
5	Lê Thị Lan		02/9/1979	Thôn Uy Bắc, Quảng Ngọc, Quảng Xương, Thanh Hóa	Hộ sinh trung cấp	Hộ sinh hạng IV	96	0	96	Chín mươi sáu
6	Bùi Thị Loan		02/6/1988	Thôn Đông, Quảng Nham, Quảng Xương, Thanh Hóa	Hộ sinh trung cấp	Hộ sinh hạng IV	85	0	85	Tám mươi lăm
7	Dương Thị Lý		15/10/1974	Thôn Xuân Mộc, Quảng Ngọc, Quảng Xương, Thanh Hóa	Hộ sinh cao đẳng	Hộ sinh hạng IV	94,5	0	94,5	Chín mươi tư phẩy năm

Nguyễn Thị Minh	19/4/1975	Thôn Mỹ Khê, Quảng Trạch, Quảng Xương, Thanh Hóa	Hộ sinh trung cấp	Hộ sinh hạng IV	94	0	94	Chín mươi tư
9 Lê Thị Nhài	15/7/1974	Quảng Yên, Quảng Xương, Thanh Hóa	Hộ sinh trung cấp	Hộ sinh hạng IV	93	0	93	Chín mươi ba
10 Bùi Thị Tâm	25/11/1973	Thôn Ngưu Phương, Quảng Khê, Quảng Xương, Thanh Hóa	Hộ sinh trung cấp	Hộ sinh hạng IV	93	0	93	Chín mươi ba
11 Lê Thị Thảo	18/7/1995	Thôn 6, Quảng Hòa, Quảng Xương, Thanh Hóa	Hộ sinh cao đẳng	Hộ sinh hạng IV	94	0	94	Chín mươi tư
12 Phạm Thị Thảo	02/8/1968	Thôn Tiên Thắng, Tiên Trang, Quảng Xương, Thanh Hóa	Hộ sinh trung cấp	Hộ sinh hạng IV	93,5	0	93,5	Chín mươi ba phẩy năm
13 Lê Thị Thu	12/12/1978	Quảng Long, Quảng Xương, Thanh Hóa	Hộ sinh trung cấp	Hộ sinh hạng IV	94	0	94	Chín mươi tư
14 Trần Thị Thúy	15/10/1974	Thôn Linh Hưng, Quảng Hợp, Quảng Xương, Thanh Hóa	Hộ sinh trung cấp	Hộ sinh hạng IV	95,5	0	95,5	Chín mươi lăm phẩy năm
15 Nguyễn Thị Vân	15/8/1968	Quảng Lưu, Quảng Xương, Thanh Hóa	Hộ sinh trung cấp	Hộ sinh hạng IV	93	0	93	Chín mươi ba

THƯ KÝ



Nguyễn Thị Trang

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Nguyễn Văn Chiến